

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HC-ST

Ngày 07 - 01 - 2022

“V/v: Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phi Kbuôr

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Như Âm

2. Ông Nguyễn Tấn Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ban - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2021/TLST-HC ngày 04/5/2021 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2021/QĐXXST-HC ngày 29/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2021/QĐST-HC ngày 27/12/2021, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà H N Mlô, sinh năm 1975; Địa chỉ: Buôn T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đăk Lăk - *Có đơn xin vắng mặt.*

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Văn T, sinh năm 1952; Địa chỉ: K307/2 đường P, tổ 24, phường P, Quận H, Thành phố Đà Nẵng (theo văn bản ủy quyền ngày 06/4/2021) - *Có yêu cầu xét xử vắng mặt.*

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đăk Lăk; Địa chỉ: Số 09 đường Đ, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đình C, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện K (theo văn bản ủy quyền số: 20/GUQ-UBND ngày 13/5/2021) - *Có đơn xin vắng mặt.*

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Ngọc D, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện K - *Có đơn xin vắng mặt.*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Y B Byă; Địa chỉ: Buôn T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đăk Lăk -

Vắng mặt.

3.2. Ông Nguyễn Tiến Th, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963. Cùng địa chỉ: Khối 5, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1988. Địa chỉ: Khối 5, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (theo văn bản ủy quyền ngày 20/5/2021) - *Có mặt.*

3.3. Ông Đào Đức H, sinh năm 1962 và bà Đặng Thị N, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Mai Văn T trình bày:

Năm 1985, ông Y B Niê và bà H M Mlô được Nhà nước cấp 01 thửa đất diện tích 1.290m² tại Buôn T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo diện định canh định cư. Đến năm 1986, ông Y B chết, ông Y W Niê là cha dượng chung sống với bà H M Mlô nhưng không đăng ký kết hôn. Năm 2005, bà H M Mlô chết. Năm 2006, các con của ông Y B và bà H M Mlô làm thủ tục thừa kế thừa đất nói trên cho bà H N Mlô và ông Y B Byă, sau đó được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSD) số AK 621848 ngày 28/12/2007 đứng tên vợ chồng Y B Byă và H N Mlô đối với thửa đất số 269, tờ bản đồ số 25, diện tích 1.290m².

Ngày 29/12/2007, vợ chồng bà H N chuyển nhượng phần diện tích 684m² (18mx38m) thuộc thửa đất 269 nêu trên cho vợ chồng ông Đào Đức H, bà Đặng Thị N. Ngày 04/5/2010, UBND huyện K cấp GCNQSD đất số BA 651916 cho ông H, bà N đối với thửa đất số 491, tờ bản đồ số 25, diện tích 576m² (sau khi đã trừ hành lang giao thông). Cùng ngày 04/5/2010, UBND huyện K cấp GCNQSD đất số BA 651915 cho vợ chồng bà H N, ông Y B đối với diện tích còn lại sau khi đã chuyển nhượng cho ông H, bà N là 494m² thửa đất số 269, tờ bản đồ số 25.

Tuy nhiên, theo kết quả kiểm tra, xác minh UBND huyện K nhận thấy việc cấp GCNQSD đất số BA 651430 ngày 18/5/2010 cho hộ bà Nguyễn Thị L và GCNQSD đất số BA 651915 cho hộ bà H N Mlô được cấp trên cùng một vị trí đất. Do đó, ngày 15/3/2021, UBND huyện K ban hành Quyết định số 147/QĐ-UBND về việc hủy bỏ giá trị pháp lý Quyết định số 1969/QĐ-UBND ngày 06/5/2010 của UBND huyện K và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BA 651915 do UBND huyện K cấp ngày 04/5/2010 cho ông H N Mlô và bà Y B Byă (Tên theo đơn kê khai là bà H N Mlô và ông Y B Byă) thường trú tại Buôn T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Việc UBND huyện K ban hành Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 15/3/2021 nêu trên là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng bà H N. Do đó, bà H N khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 15/3/2021 của Ủy ban nhân dân huyện K.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện K là ông Lê Đình C trình bày:

- Về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H N Mlô, ông Y B Byă:

Ngày 10/7/2006, bà H N Mlô, ông Y B Byă có đơn xin cấp GCNQSD đất đối với thửa đất số 269, tờ bản đồ số 25, diện tích 1.290m² mục đích sử dụng: 400m² ODT, 890m² CLN, địa chỉ thửa đất tại Buôn T, thị trấn K, huyện K. Nguồn gốc sử dụng đất: Định canh - Định cư. Ngày 28/12/2007, UBND huyện K ban hành Quyết định số 3797/QĐ-UBND về việc cấp GNCQSD đất cho bà H N Mlô, ông Y B Byă số AK 621848 đối với thửa đất trên.

Ngày 29/12/2007, bà H N Mlô, ông Y B Byă chuyển nhượng một phần diện tích 684m² (18m x 38m) thuộc thửa đất số 269, tờ bản đồ số 25 cho ông Đào Đức H và bà Đặng Thị N được UBND thị trấn xác nhận ngày 30/12/2007 (giấy viết tay). Ngày 06/5/2010, UBND huyện K ban hành Quyết định số 1967/QĐ-UBND, về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 621848; Quyết định số 1968/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 220m² đất, bà H N Mlô cam kết trừ hành lang giao thông; Quyết định số 1969/QĐ-UBND về việc cấp GCNQSD đất cho bà H N Mlô và ông Y B Byă; Quyết định số 1970/QĐ-UBND về việc cấp GCNQSD đất cho ông Đào Đức H và bà Đặng Thị N.

Ngày 04/5/2010, ông H và bà N được UBND huyện K cấp GCNQSD đất số BA 651916 thửa đất số 491, tờ bản đồ số 25, diện tích 576m². Diện tích còn lại sau khi tách thửa, ngày 04/5/2010, bà H N Mlô, ông Y B Byă được UBND huyện K cấp lại GCNQSD đất số BA 651915 thửa đất số 269, tờ bản đồ số 25, diện tích 494m².

- Về kết quả kiểm tra, rà soát: Qua kiểm tra, rà soát, UBND thị trấn K phát hiện thửa đất số 473, tờ bản đồ số 25 được UBND huyện K cấp GCNQSD đất số BA 651430 ngày 18/5/2010 cho bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Tiến Th và thửa đất số 269, tờ bản đồ số 25 được UBND huyện K cấp GCNQSD đất số BA 651915 ngày 04/5/2010 cho hộ bà H N Mlô bị cấp chồng trên cùng một vị trí thửa đất, nguyên nhân do hồ sơ địa chính lâu năm, rách nát nên không kiểm tra kỹ hồ sơ dẫn đến cấp chồng.

- Về quan điểm của UBND huyện K: Trên cơ sở hồ sơ, tài liệu thu thập được và kết quả làm việc với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan. Ngày 07/8/2020, UBND huyện ban hành Thông báo số 417/TB-UBND, thu hồi Quyết định số 1969/QĐ-UBND ngày 06/5/2010 của UBND huyện K về việc cấp GCNQSD đất số BA 651915 tại thửa đất số 269, tờ bản đồ số 25, diện tích 494m², vị trí thửa đất tại Buôn T, thị trấn K, huyện K mang tên bà H N Mlô và ông Y B Byă. Tuy nhiên, hết thời hạn 30 ngày, bà H N và ông Y B không nộp lại GCNQSD đất nên đến ngày 15/3/2021, UBND huyện ban hành Quyết định số 147/QĐ-UBND về việc hủy bỏ giá trị pháp lý Quyết định số 1969/QĐ-UBND và GCNQSD đất số BA 651915 nêu trên. Đồng thời cũng ban hành Quyết định số 146/QĐ-UBND về việc hủy bỏ giá trị pháp lý Quyết định số 2244/QĐ-UBND, ngày 18/5/2010 của UBND huyện K và GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài

sản khác gắn liền với đất số BA 651430 do UBND huyện K cấp ngày 18/5/2010 cho ông Nguyễn Tiến Th và bà Nguyễn Thị L với lý do là vi phạm điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; Điểm b khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai (không đúng đối tượng sử dụng đất).

Việc UBND huyện hủy bỏ cả 02 GCNQSD đất của hộ bà H N Mlô và hộ bà Nguyễn Thị L là nhằm mục đích để 02 hộ giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất từ đầu, trường hợp có kết quả giải quyết cuối cùng thì UBND huyện sẽ cấp GCNQSD đất theo quy định. Vì vậy, UBND huyện nhận thấy việc ban hành Quyết định số 147/QĐ-UBND để thu hồi, hủy bỏ giá trị pháp lý Quyết định số 1969/QĐ-UBND, ngày 06/5/2010 của UBND huyện K và GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BA 651915 do UBND huyện K cấp ngày 04/5/2010 cho bà H N Mlô và ông Y B Byă là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H N Mlô.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Tiến Th là ông Nguyễn Ngọc A trình bày:

Ngày 04/3/2000, vợ chồng ông Th, bà L nhận chuyển nhượng từ Amí W và Ama W (tức ông Y W Niê và bà H M Mlô) 01 lô đất có diện tích 319m² (11mx29m), tọa lạc tại Buôn T, thị trấn K, huyện K với giá 15.000.000 đồng. Hai bên có làm giấy xin sang nhượng đất thổ cư và được UBND thị trấn K xác nhận ngày 31/3/2001. Ngày 20/7/2005, Amí W và Ama W chuyển nhượng thêm cho ông Th và bà L diện tích đất 231m² (11mx21m) tọa lạc cùng địa chỉ trên, được UBND thị trấn xác nhận ngày 02/11/2009.

Sau đó, ông Th, bà L đã tiến hành các thủ tục xin cấp GCNQSD đất theo quy định của pháp luật. Đến ngày 18/5/2010 UBND huyện K cấp GCNQSD đất số BA 651430 mang tên ông Th, bà L đối với thửa đất số 473 tờ bản đồ số 25, diện tích 351m².

Sau khi nhận chuyển nhượng đất, ông Th bà L đã canh tác sử dụng đất đến năm 2019 thì phát sinh tranh chấp với hộ bà H N Mlô vì GCNQSD đất số BA 651915 của bà H N cấp chồng lên thửa đất mà ông Th, bà L nhận chuyển nhượng của Amí W và Ama W. Do đó, UBND huyện K đã ban hành Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 15/3/2021 hủy bỏ giá trị pháp lý của Quyết định số 1969/QĐ-UBND ngày 06/5/2010, GCNQSD đất số BA 651915 của bà H N và Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 15/3/2021 hủy bỏ giá trị pháp lý của Quyết định số 2244/QĐ-UBND ngày 18/5/2010, GCNQSD đất số BA 651430 của ông Th, bà L.

Nay bà H N yêu cầu hủy Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 15/3/2021 của UBND huyện K thì ông Th bà L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, ngoài ra ông bà không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Đức H và bà Đặng Thị N trình bày:

Ngày 29/12/2007, vợ chồng ông Đào Đức H, bà Đặng Thị N và bà T cùng mua chung 01 lô đất của ông Y B Byă, bà H N Mlô có diện tích 684m² (chiều dài 18m, chiều sâu 38m), trong đó có 220m² đất thổ cư, còn lại là đất nông nghiệp. Đất tọa lạc tại Buôn T, thị trấn K, huyện K, có tứ cận như sau:

- + Phía Đông giáp Amí Y G dài 38m;
- + Phía Tây giáp đất ông Th, bà L dài 38m;
- + Phía Nam giáp đường dài 18m;
- + Phía Bắc giáp đất bà Amí B dài 18m.

Thời điểm nhận chuyển nhượng hai bên có lập “Giấy sang nhượng đất thổ cư” và được UBND thị trấn xác nhận ngày 30/12/2007. Mặc dù mua chung với bà Tắc nhưng chỉ có vợ chồng ông H bà N đứng tên trên giấy tờ nhận chuyển nhượng. Trong đó, diện tích đất của gia đình ông H bà N là 12m mặt đường, còn 06m mặt đường còn lại là của bà T. Giá chuyển nhượng là 60.000.000 đồng. Gia đình ông H bà N đã giao đủ tiền và nhận đất sử dụng ổn định từ đó đến nay. Ngày 04/5/2010, ông H, bà N được UBND huyện K cấp GCNQSD đất số BA 651916 đối với thửa đất số 491, tờ bản đồ số 25, diện tích 576m² (cấp theo diện tích thực tế sử dụng).

Hiện nay, bà H N Mlô khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 15/3/2021 của UBND huyện K thì ông H bà N nhận thấy việc UBND huyện K ban hành Quyết định trên liên quan trực tiếp đến diện tích đất cấp cho vợ chồng bà H N sau khi đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông H, bà N, không liên quan đến diện tích mà vợ chồng ông H bà N nhận chuyển nhượng từ vợ chồng bà H N. Do đó, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện là ông Nguyễn Ngọc D trình bày: Ông thống nhất với ý kiến của người bị kiện, không bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Y B Byă, ông Đào Đức H và Đặng Thị N không thực hiện đúng nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung: Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; điểm b khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung điểm b khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử: Bác đơn khởi kiện của người khởi kiện bà H N Mlô yêu cầu hủy Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 15/3/2021 về việc hủy bỏ giá trị pháp lý Quyết định số 1969/QĐ-UBND ngày 06/5/2010 của UBND huyện K và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BA 651915 do UBND huyện K cấp ngày 04/5/2010 cho bà H N Mlô và ông Y B Byă.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại đơn khởi kiện, bà H N Mlô yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 15/3/2021 về việc hủy bỏ giá trị pháp lý Quyết định số 1969/QĐ-UBND ngày 06/5/2010 của UBND huyện K và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BA 651915 do UBND huyện K cấp ngày 04/5/2010 cho bà H N Mlô và ông Y B Byă. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 15/3/2021, UBND huyện K ban hành Quyết định số 147/QĐ-UBND, đến ngày 25/3/2021 bà H N Mlô khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện để làm bản tự khai và cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, triệu tập tham gia phiên họp công khai chứng cứ và đối thoại theo khoản 15, 16 Điều 55 và khoản 1 Điều 134, khoản 1 Điều 136 Luật Tổ tụng hành chính nhưng người đại diện theo ủy quyền có văn bản từ chối làm bản tự khai và xin vắng mặt. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Y B Byă cũng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến. Tại phiên tòa, một số đương sự vắng mặt nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt hoặc đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 157 Luật Tổ tụng hành chính để xét xử vụ án.

[4]. Về nội dung vụ án:

[4.1]. Năm 1985, ông Y B Niê (chết năm 1986) và bà H M Mlô (chết năm 2005) được Nhà nước cấp 01 thửa đất diện tích 1.290m² tại Buôn T, thị trấn K, huyện K theo diện định canh định cư. Năm 2006, các con của ông Y B và bà H M Mlô làm thủ tục thừa kế thừa đất nói trên cho bà H N Mlô và ông Y B Byă; ngày 28/12/2007, bà H N và ông Y B được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 621848 đối với thửa đất số 269, tờ bản đồ số 25, diện tích 1.290m².

Ngày 29/12/2007, vợ chồng bà H N chuyển nhượng diện tích 684m² thuộc thửa đất 269 nêu trên cho vợ chồng ông Đào Đức H, bà Đặng Thị N (sau khi đã trừ hành lang giao thông còn 576m²). Đối với diện tích đất còn lại là 494m² thuộc thửa đất số 269, tờ bản đồ số 25, hộ bà H N Mlô được UBND huyện K cấp GCNQSD đất số BA 651915 ngày 04/5/2010.

Ngày 04/3/2000, ông Y W Niê (chồng của bà H M Mlô nhưng không đăng ký kết hôn) và bà H M Mlô chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Tiến Th, bà

Nguyễn Thị L thừa đất có diện tích 319m² (11mx29m), tọa lạc tại Buôn T, thị trấn K, huyện K. Các bên có làm giấy xin sang nhượng đất thổ cư và được UBND thị trấn K xác nhận ngày 31/3/2001. Ngày 20/7/2005, ông Y W Niê và bà H M Mlô chuyển nhượng thêm cho ông Th và bà L diện tích đất 231m² (11mx21m) tọa lạc cùng địa chỉ trên, hợp đồng chuyển nhượng được UBND thị trấn xác nhận ngày 02/11/2009. Đến ngày 18/5/2010, UBND huyện K cấp GCNQSD đất số BA 651430 mang tên ông Th, bà L đối với thửa đất số 473 tờ bản đồ số 25, diện tích 351m² là đúng trình tự theo quy định của pháp luật.

Như vậy, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Y W Niê, bà H M Mlô và ông Nguyễn Tiến Th, bà Nguyễn Thị L đối với thửa đất 47, tờ bản đồ số 25 được thực hiện trước khi bà H N Mlô và ông Y B Byă nhận thừa kế thửa đất số 269, tờ bản đồ số 25.

[4.2]. Theo kết quả kiểm tra, xác minh của UBND thị trấn K phát hiện thửa đất số 269, tờ bản đồ số 25, diện tích 494m² cấp cho hộ bà H N Mlô, ông Y B Byă và thửa đất số 473, tờ bản đồ số 25, diện tích 351m² cấp cho ông Th bà L đều nằm trên cùng một vị trí đất tại Buôn T, thị trấn K, huyện K (đã trừ hành lang an toàn giao thông theo quy hoạch). Như vậy đã có sự cấp chồng GCNQSD đất cho hai hộ trên, nguyên nhân theo UBND huyện K xác định là do hồ sơ địa chính lâu năm, rách nát nên không kiểm tra kỹ hồ sơ, quá trình cấp GCNQSD đất không kiểm tra kỹ thực địa.

Trên thực tế, hộ bà H N Mlô không sử dụng thửa đất 269, tờ bản đồ số 25 kể từ khi được cấp GCNQSD đất và không còn sinh sống tại địa phương. Còn thửa đất 473, tờ bản đồ số 25 do ông Th, bà L quản lý sử dụng từ năm 2000 đến năm 2019 mới phát sinh tranh chấp với bà H N.

[4.3] Trên cơ sở đề nghị của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K về việc thu hồi GCNQSD đất cấp cho hộ bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Tiến Th tại thửa đất số 473, tờ bản đồ số 25 và GCNQSD đất cấp cho hộ bà H N Mlô tại thửa đất số 269, tờ bản đồ số 25; xét thấy các GCNQSD đất trên được cấp không đúng đối tượng sử dụng đất, UBND huyện K đã ban hành Thông báo số 417/TB-UBND ngày 07/8/2020 về việc thu hồi Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1969/QĐ-UBND ngày 06/5/2010 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BA 651915 do UBND huyện K cấp ngày 04/5/2010 cho bà H N Mlô và ông Y B Byă là phù hợp với quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013, điểm b khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung điểm b khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 như sau: *“b) Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất phát hiện Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật về đất đai thì kiểm tra lại, thông báo cho người sử dụng đất biết rõ lý do và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định”*.

Hết thời hạn 30 ngày kể từ ngày được thông báo, bà H N Mlô và ông Y B Byă không nộp lại GCNQSD đất, nên ngày 15/3/2021, UBND huyện K ban hành

Quyết định số 147/QĐ-UBND về việc hủy bỏ giá trị pháp lý Quyết định số 1969/QĐ-UBND ngày 06/5/2010 của UBND huyện K và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BA 651915 do UBND huyện K cấp ngày 04/5/2010 cho bà H N Mlô và ông Y B Byă là phù hợp với quy định trên.

Ngoài việc hủy Quyết định cấp GCNQSD đất và GCNQSD đất của hộ bà H N Mlô, ông Y B Byă, thì UBND huyện K cũng ban hành Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 15/3/2021 hủy bỏ giá trị pháp lý của Quyết định số 2244/QĐ-UBND ngày 18/5/2010, GCNQSD đất số BA 651430 của ông Th bà L với mục đích để khắc phục những sai sót trong quá trình cấp GCNQSD đất và để các bên giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất với nhau lại từ đầu, khi có kết quả giải quyết cuối cùng thì UBND huyện K sẽ cấp GCNQSD đất theo quy định là đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự. Trường hợp các bên có tranh chấp về quyền sử dụng đất thì có quyền tự thỏa thuận với nhau hoặc yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H N Mlô.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên bà H N Mlô phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 157, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; điểm b khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung điểm b khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[1]. Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà H N Mlô yêu cầu hủy Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 15/3/2021 hủy bỏ giá trị pháp lý Quyết định số 1969/QĐ-UBND ngày 06/5/2010 của Ủy ban nhân dân huyện K và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BA 651915 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 04/5/2010 cho bà H N Mlô và ông Y B Byă.

[2]. Về án phí: Bà H N Mlô phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí hành chính sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 60AA/2021/0006770 ngày 29/4/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[3]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng

mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, VP, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Y Phi Kbuôr